HÁT XẨM - NHỮNG DẤU VẾT LỊCH SỬ

Kiều Trung Sơn

Mở đầu

Đầu những năm 60 của thế kỷ trước, nghề hát xẩm lặng lẽ biến mất lúc nào ít ai để ý. Cho đến sự kiện nghệ nhân Hà Thị Cầu[1] trình diễn hát xẩm trong chương trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V diễn ra tại Hà Nội từ ngày 27 đến 31 tháng 3 năm 1982, nhiều người mới nhớ đến thể hát từng rất quen thuộc này. Có lẽ bà Hà Thị Cầu là nghệ nhân xẩm đầu tiên và cũng là cuối cùng biểu diễn trên sân khấu ca nhạc chính thống. Sang đầu thế kỷ XX, nghệ thuật hát xẩm dần được phục hồi, khởi nguồn từ những nghệ sĩ được đào tạo bài bản trong trường nghệ thuật. Một số nhà sưu tầm hát xẩm cho rằng, dù một số nghệ sĩ đang cố gắng tập luyện, học theo nghệ nhân và dàn dựng thêm để đưa hát xẩm lên sân khấu chuyên nghiệp, nhưng vẫn chưa thể đạt tới tầm của nghệ thuật hát xẩm xưa. Bà Hà Thị Cầu là một minh chứng cụ thể. Đã có rất nhiều nghệ sĩ tìm đến học bà nhưng cho đến nay, không ai dám tự tin rằng đã trình diễn hát xẩm được như bà, mặc dù vậy có nhiều người tự hào từng là học trò của bà. Điều đó cho thấy hát xẩm là thể hát đã đạt tới trình độ nghệ thuật khá cao. Không chỉ như vậy, hát xẩm còn là thể hát đặc biệt.

Hát xẩm đặc biệt, bởi nó là kết quả sáng tạo của chủ thể đặc biệt: người mù. Mặt khác, nó cũng là kết quả của quá trình kiếm sống, va đập với cuộc sống, tức là quá trình thích ứng văn hóa của người mù. Quá trình đó đã sáng tạo nên thể hát xẩm như chúng ta biết, đang còn trong hiện tại. Hát xẩm còn đặc biệt bởi nó khác hẳn các thể hát khác về tính xã hội, chứa đựng những dấu vết lịch sử. Những nội dung mà nó truyền tải tới người nghe thường bám sát các sự kiện lịch sử. Qua các bài xẩm được ghi chép lại trong "chiến dịch" sưu tầm vốn dân ca nhạc cổ Bắc Bộ của Ban Âm nhạc, Vụ Nghệ thuật Bộ Văn hóa những năm 1957-1962 (thời kỳ đầu của Ban), có thể thấy rất nhiều những chi tiết lịch sử thú vị, từ nhân vật lịch sử văn hóa, sự kiện lịch sử, đến địa danh, cảnh quan, ngôn ngữ, sinh hoạt, lối nghĩ của con người Việt Nam ở những thời kỳ khác nhau trong quá khứ. Bên cạnh đó, dấu vết lịch sử trong hát xẩm còn có thể tìm thấy qua hồi ức của những người từng biết đến hát xẩm thời sau 1945, qua lời kể của nghệ nhân Hà Thị Cầu trong một số phim tư liệu về bà, qua tư liệu ảnh tìm được trên mạng xã hội hoặc do đồng nghiệp cung cấp. Nhiều thông tin có thể kiểm chứng được bằng cách soi chiếu qua tư liệu lịch sử đã xuất bản.

Một số nhân vật và sự kiện lịch sử trong lời xẩm

Hoàng Diệu và sự kiện Hà Nội thất thủ

Sự kiện Pháp đánh chiếm Hà Nội năm 1882 được nhắc tới không chỉ một lần, trong các bài xẩm "Thất thủ Hà Nội" và "Bắc tỉnh ca". Bài "Thất thủ Hà Nội" ca ngợi và ghi nhớ tấm gương anh hùng Hoàng Diệu đồng thời mô tả một số chi tiết quan trọng của sự kiện.

Có quan tổng đốc Hà Thành
Tên là Hoàng Diệu, trung chinh ai bằng …
Ghét Tây, dạ vốn nhăm nhăm
Ngoài mặt giao tiếp trong căm những là
Sẩy năm Nhâm ngọ (1882) tháng ba
Sáng hôm mồng tám bước qua giờ thìn.
(*Hát xẩm*, tr. 174).

Bài hát mô tả trận chiến:

Người người căm giận bầm gan
Giơ tay thề quyết giết đàn chó dê
Lửa phun sung nổ bốn bề
Khiến loài bạch quỷ (Tây) hồn lìa phách xiêu.
(*Hát xẩm*, tr. 174).

Lời hát cũng kể rằng, do có sự phản bội, nội gián cho Pháp trong thành, trận chiến giữ thành thất bại.

Nào ngờ thất ý tại ta
Vẫn rằng thắng trận, hóa mà thua cơ
Nội công phản những bao giờ?
(*Hát xẩm*, tr. 175).

Còn đây là những lời mô tả cái chết của Hoàng Diệu và tình cảm của người dân dành cho ông:

Chữ trung một chút cỏn con
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây
Trời cao biển rộng đất dầy
Núi Nùng sông Nhị chốn này còn ghi
Thảm thay gặp bước gian nguy
Lòng dân ai chẳng thương người tận trung
(*Hát xẩm*, tr. 175 - 176).

Rõ ràng, lời xẩm không chỉ mô tả một sự kiện lịch sử mà còn bày tỏ thái độ của người dân căm ghét quân xâm lược và thương cảm vô hạn đối với người anh hùng Hoàng Diệu. Thời mà xẩm hát những lời đó là thời thuộc Pháp, những người hát xẩm biết rõ bối cảnh lịch sử nhưng vẫn hát bất chấp nguy hiểm, rủi ro có thể gặp bất cứ lúc nào từ chính quyền thực dân.

Cũng trong bài "Thất thủ Hà Nội", lời xẩm còn nhắc tới sự kiện thất thủ Hà Nội trước đó mười năm:

Kể từ năm Dậu bao xa
Đến nay tính đốt phỏng đà mười niên
Hà thành thất thủ hai phen
Kho tàng rỗng sạch binh duyên rời tan
(*Hát xẩm*, tr. 176).

Năm Dậu mà lời xẩm nhắc tới là năm 1873, Hà Nội thất thủ lần thứ nhất. Sự kiện này được ghi trong *Việt Nam sử lược* (Trần Trọng Kim, tái bản năm 2015, Nxb. Văn học), trang 404, mục 4 ghi: "Hạ thành Hà Nội năm Quí Dậu (1873)"; tại phần Niên biểu, trang 459 ghi văn tắt: "Francis Garnier hạ thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương tử tiết". Như thế, chỉ qua bài hát xẩm nhằm ca ngợi tấm gương anh hùng Hoàng Diệu, đã truyền tải tới người nghe khá nhiều thông tin, bao gồm cả hai sự kiện, hai lần Pháp đánh chiếm Hà Nội vào các năm 1873 và 1882; cả những địa danh mà nay đã thay đổi nên rất ít người biết, như sông Nhị chính là sông Hồng bây giờ.

Một số nhân vật và sự kiện khác

Lời xẩm hát kể về một số nhân vật lịch sử chống Pháp như Đội Cấn với sự kiện khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917:

Năm Đinh Tỵ (1917) mười ba tháng bảy
Nước Nam mình lừng lẫy can qua…
Bên Tây có ông Ba Sồm
Cho mày đi trước, mày nom tao beng đầu!
Nhưng ông Ba bắn chẳng trúng đâu
Ông Đội Cấn bắn ra một phát, vỡ đầu quan ba….
(Bài "Ông Đội Cấn", *Hát xẩm*, tr. 169-173).

Chỉ vài câu hát xẩm, người nghe thực sự khoái trá trước sự kém cỏi nhưng lại ngạo mạn ngu ngốc của quan ba Pháp bị trừng phạt bởi một Đội Cấn tài giỏi.

Trong một bài khác, bài "Vè cụ Đề Thám", lời xẩm ca ngợi bà vợ Ba của Đề Thám trong khởi nghĩa Yên Thế đầu thế kỷ XX:

… Bỗng đâu quân Cụ từ sau đánh vào
Đì đùng bắn như mưa rào
Bà Ba khi ấy anh hào ra tay
Bắn chết ngay bốn thằng Tây…
Lính đâu trốn hết chạy tràn
Lính Tây cũng sợ bàng hoàng thất kinh…
(*Hát xẩm*, tr. 192 - 193).

Chuyện về bà Ba được xẩm kể lại bằng thái độ thán phục, suy tôn một tấm gương anh hùng chẳng kém bất cứ một người đàn ông anh hùng nào.

Bên cạnh đó, hát xẩm kể lại sự kiện Pháp thu thuế, bắt người Việt phải cho vay tiền, bắt người Việt đi lính sang châu Âu, trong bài "Bởi chưng ta chẳng đồng lòng":

Tây sang cai trị dần dần
Ba bìa đóng thuế muôn dân nặng nề…
Nước Nam kẻ khó người nghèo
Đóng một suất thuế, lo xiêu cả nhà…
Sức về quốc trái công ngân
Tiền quyên phú hộ ba lần đóng ngay
Nhà nước sẽ phát mề đay
Lý trưởng lên tỉnh lĩnh ngay mang về
(*Hát xẩm*, tr. 177).

Chuyện bắt lính và cảnh vợ chồng chia lìa được xẩm hát kể:

Năm Đinh Tỵ (1917) bắt lính sang Tây
Quan Ba về bảo đi ngay cho cần …
….
Dù ai có bụng thương yêu
Thì em gìn giữ đừng liều tấm thân…
Ba năm mãn lính xong rồi
Vợ chồng ta lại ở đời với nhau…
Điềm trời thế đất chon von
Anh sang bên ấy, khó mong ngày về!
(*Hát xẩm*, tr. 176-180).

Ngoài ra xẩm còn những lời hát với thái độ bất bình, khinh bỉ nhưng có đôi chút thương xót đối với những cô gái Việt "lấy Tây" vào thời đó:

Lạ gì cái cảnh lấy Tây,
Hay ăn làm biếng quen tay vung tiền
….
Lạ gì cái cảnh lấy Tây,
Tấm thân vạ vật đổi thay bao chồng
(*Hát xẩm*, tr. 139-140).

Vậy là, những lời hát xẩm phản ánh cả một giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam thời Pháp xâm lược và đô hộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX một cách sống động qua những sự kiện, những tấm gương anh hùng, những cảnh đời cơ cực… Lời xẩm cũng in dấu một số cách nói, ngôn từ và địa danh Việt Nam của một thời mà ngày nay đã gần như hoàn toàn vắng bóng.

Một số phong trào cách mạng trong lời xẩm

Phong trào Đông du trong "Anh Khóa" của Trần Tuấn Khải (1895 - 1983)

Trần Tuấn Khải hay Á Nam Trần Tuấn Khải là một nhà thơ yêu nước từng bị Pháp bắt giam vào Hỏa Lò. Theo Báo điện tử của Khoa Văn học Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, thì ông sáng tác bài thơ "Tiễn chân anh Khóa xuống tàu" năm ông mới 19 tuổi (1914). Bối cảnh ra đời của bài thơ được báo này cho biết qua tâm sự của chính tác giả:

"Vào năm 1914, phong trào Đông kinh nghĩa thục đang khơi dậy lòng ái quốc và phát động phong trào nô nức xuất dương du học của đám sĩ phu nước nhà, nhưng bị nhà cầm quyền Pháp phá vỡ, một số sĩ phu phải trốn ra ngoại quốc. Nhân tiễn một người bạn lên tàu ở bến Hải Phòng, quang cảnh kẻ ở người đi đối trao tâm sự, đưa nhau miếng trầu, cảm xúc đó đã thúc đẩy nhà thơ viết bài Tiễn chân anh Khóa" (Tạp chí *Bách khoa* (Sài Gòn) số 416 năm 1974).

Sau khi ra mắt, bài thơ này đã lan truyền rất nhanh trên toàn quốc, vì nó ra đời đúng vào bối cảnh phong trào Đông kinh nghĩa thục đang lên cao. Bài báo điện tử trên có đoạn lý giải: "Bài thơ gợi đúng nỗi đau đang tràn ngập lòng người lúc bấy giờ: nỗi đau chia ly. Con xa cha mẹ, anh xa em, vợ xa chồng... Người thì đi phu đồn điền, kẻ thì lưu lạc vì kế sinh nhai, kẻ thì đi lính đánh thuê ở tận trời Âu, và cả những người xuất dương bôn ba hải ngoại nữa".

Những người hát xẩm luôn thính nhạy với thị hiếu, đã thuộc lòng bài thơ "Anh Khóa" để sẵn sàng phục vụ khi có khách hàng yêu cầu. Sự nổi tiếng của bài thơ giúp cho xẩm hành nghề thuận tiện hơn, "đắt show" hơn. Trong lời kể của Á Nam được bài báo trích dẫn rằng "đâu đâu người ta cũng hát bài này", tôi tin từ "hát" là chỉ hát xẩm, vì việc hát diễn ra "ở khắp các bến xe, nhà ga, cả Bắc, Trung, Nam". Thời đó, những năm 20 của thế kỷ trước, ngoại trừ hát xẩm, chẳng có loại hát nào khác diễn ra ở nhà ga cả. Thông tin này cũng cho thấy, đầu thế kỷ XX, hát xẩm đã có mặt trên khắp đất nước Việt Nam. Việc xẩm có mặt ở cả 3 miền còn được chứng thực trong lời kể của bà Hà Thị Cầu (xem phim Xẩm đỏ, đạo diễn Lương Đình Dũng, xuất bản năm 2011).

Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và Mặt trận Việt Minh

Căn cứ vào nội dung và ngôn từ được sử dụng trong bài "Bài ca cổ động", quy chiếu vào lịch sử, có thể nhận định bài xẩm này cổ động cho Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. "Bài ca cổ động" có đoạn:

Tức quân thù lắm kẻ đa đoan,
Cầm dây mà cột nỗi oan cho chúng mình,
Không lẽ ngoảnh mặt ta làm thinh,
Đứng lên đạp đổ mọi bất bình cho xong!

Lập nền chuyên chính công nông
Đời ta mới được thoát vòng ngựa trâu
(*Hát xẩm*, tr. 84)

Mặc dù ngoài tên bài (không rõ do người hát xẩm đặt hay người biên tập đặt) không có một chút thông tin nào về người hát, người sưu tầm, thời điểm sưu tầm, và nhất là nguồn gốc lời hát, nhưng câu "Lập nền chuyên chính công nông" cho thấy lời xẩm được sáng tác và phổ biến khoảng sau sự kiện Xô viết Nghệ tĩnh 1930. Cụm từ "chuyên chính công nông" được nhắc nhiều lần trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 (xem Văn kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam). Thời điểm đó, những người Cộng Sản hướng cách mạng Việt Nam theo hình mẫu Nga Xô viết của Lê Nin với khẩu hiệu đánh đổ đế quốc và địa chủ, chia ruộng đất cho dân nghèo, thành lập Nhà nước vô sản công nông. Khẩu hiệu này đã phải thay đổi khi cách mạng Việt Nam nhận ra cần phải huy động toàn lực, kể cả giai tầng tư sản, địa chủ yêu nước, để giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của đế quốc thực dân. Địa chủ không còn là kẻ thù như thời năm 1930, và vì thế cụm từ "chuyên chính công nông" chỉ có thể phổ biến trong khoảng 10 năm, trước khi Việt Minh được thành lập.

Bài "Việt Minh đến thật là tài" ngay cái tên của nó đã thể hiện rõ xẩm cổ động, ủng hộ Việt Minh. Việt Minh ra đời vào năm 1941 và ảnh hưởng của cái danh này còn kéo dài đến những năm chiến tranh chống Pháp của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa nên thời điểm ra đời và phổ biến của bài có thể trước cách mạng tháng Tám 1945, cũng có thể là sau đó. Trong bài có những câu:

Cụ Tiên là bố con ruồi,
Thày cúng là nhặng kiếm mồi cầu an.
Thày bói ấy lũ quan ôn,
Có nắm bắt tới kể nôn trăm người.
Từ ngày Việt Minh ra đời,
Quan ôn cũng cút, nhặng ruồi cũng không.
Cha bảo con, vợ bảo chồng,
Việt Minh ngài tiễn thần trùng tài chưa!
(*Hát xẩm*, tr. 275).

Nội dung lời xẩm thể hiện rõ thái độ châm biếm thầy cúng, thầy bói, thầy địa lý, chống tệ mê tín dị đoan, đồng thời ca ngợi Việt Minh.

Phong trào "Diệt giặc dốt"

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập 2/9/1945, Hồ Chí Minh đã phát động phong trào "diệt giặc dốt" gọi là Bình dân học vụ[2]. Vào thời đó, có rất nhiều hoạt động cổ động cho phong trào này được thực hiện, một trong số đó là việc sáng tác các bài ca dao, hò vè, và cả các bài hát nữa. Bài "Hỏi thăm cô Tú" ra đời trong hoàn cảnh đó, còn có tên là "Tiễu trừ giặc dốt" và được những người hát xẩm dùng trong hoạt động hành nghề.

Ai về chợ huyện Thanh Vân
Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa
Đánh vần năm ngoái năm xưa
Năm nay quên hết nên chưa biết gì
....
Bình dân học vụ lập thành
Cô mau tới đó học hành thi ca
Ai về chợ huyện Thanh Ba
Hỏi thăm cô Tú có nhà hay không
Rằng nay cô đã lấy chồng
Cô đi dạy học nên không ở nhà
(Mai Đức Thiện 2018: 13).

Gần như tiếp theo ngay sau chiến dịch "diệt giặc dốt", một chiến dịch có dấu ấn lịch sử khá đặc biệt liên quan tới nghề xẩm nhưng ít được nhắc tới, vẫn còn được truyền miệng lại hoặc qua số rất ít tư liệu.

"Chiến dịch" chống di cư năm 1955

Rất nhiều người Việt Nam hiện còn nhớ cuộc di dân từ Bắc vào Nam và ngược lại, từ Nam ra Bắc từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Do điều kiện truyền thông lúc bấy giờ vô cùng hạn hẹp, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã có sáng kiến sử dụng hát xẩm để làm công cụ tuyên truyền chống lại những luận điệu kích động dân Bắc di cư vào Nam của các thế lực thù địch. Hầu như tất cả các nhóm/tốp hát xẩm ở Hà Nội và một số tỉnh lân cận được huy động vào công tác quan trọng này. Người được giao nhiệm vụ tổ chức và phụ trách "đoàn" xẩm thực hiện chiến dịch là nhà thơ Thanh Tịnh[3]. Chưa tìm được tư liệu văn bản nào

ghi lại sự việc cũng như đánh giá hiệu quả của đợt hát xẩm tham gia chống di cư đó. Tuy nhiên, có thể thấy hai điều : thứ nhất, hát xẩm vẫn còn vai trò ảnh hưởng rất lớn trong đời sống văn hóa, chính trị; thứ hai, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa lúc bấy giờ cũng nhanh chóng nhận ra vai trò và lợi thế của hát xẩm. Họ không sử dụng những đội văn nghệ tuyên truyền, mà dùng hát xẩm. Đối với những luận điệu tuyên truyền của đối phương vận động dân Bắc di cư, kiểu rỉ tai như "Cộng sản là cộng vợ cộng chồng", "Chúa đã vào Nam" và "Đức Mẹ đồng trinh đã rời miền Bắc", rất khó dùng những ngôn từ tuyên giáo để thay đổi suy nghĩ của bộ phận người dân Công giáo, để họ từ bỏ ý định di cư vào Nam. Cũng không thể dùng biện pháp ép buộc ở lại, cách tốt nhất là dùng các nhóm hát xẩm hát các bài có nội dung khêu gợi tình cảm gắn bó quê hương, tương lai tốt đẹp của chế độ mới dân chủ... để giảm bớt số người quyết tâm di cư, có thể khiến nhiều người đổi ý, quyết định ở lại. Hoạt động hát tuyên truyền của các nhóm xẩm diễn ra ở các tụ điểm tập trung người di cư chuẩn bị vào Nam như ở các ga tàu điện, ga tàu Hỏa và trên tàu Hỏa ở Hà Nội, Hải Phòng(4). Rất tiếc, tôi không tìm được chút tư liệu nào về nội dung hay tên các bài hát được xẩm sử dụng vào mục đích tuyên truyền chống di cư vào thời đó. Không thấy các bài đó trong cuốn *Hát xẩm* của tác giả Trần Việt Ngữ(5), cũng như trong tài liệu dạy hát xẩm của các trung tâm dạy hát xẩm ở Hà Nội hiện nay. Nghĩa là chỉ hai năm sau (1957), các nghệ nhân xẩm không còn nhớ các bài có nội dung tuyên truyền trong "chiến dịch".

Như vậy, từ 1945 - 1955 hát xẩm có tham gia vào hai "chiến dịch" mà Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa phát động: *Diệt giặc dốt* (1945 - 1947) và *Chống di cư* (1954 - 1955). Từ năm 1957 trở đi, Nhà nước lần lượt thành lập một loạt các đoàn văn công, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu âm nhạc, múa, sân khấu, điện ảnh. Hệ thống thiết chế văn hóa nghệ thuật hình thành và phát triển đến tận cơ sở cấp huyện, vai trò của hát xẩm trong các hoạt động phong trào xã hội không còn như trước nữa.

Hình ảnh Hà Nội thời đầu Pháp thuộc trong xẩm

Những người đang sống đầu thế kỷ XXI như chúng ta rất khó hình dung Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ra sao. Để thấy rõ hơn bối cảnh không gian xã hội của thời kỳ "xẩm lên ngôi" ở Hà Nội, không chỉ qua những bức ảnh trong một số tư liệu người Việt Nam viết, mô tả về Hà Nội thời đó mà còn cần tìm thêm những tư liệu của người Pháp. May mắn, tôi tìm được tư liệu mình muốn trong cuốn *Xứ Đông Dương*, hồi ký của Paul Doumer, Toàn quyền Đông Dương từ 1897 - 1902. Trong cuốn hồi ký có những dòng ghi chép về Hà Nội rất đáng chú ý:

"Khi tôi sống tại Hà Nội, kể từ đầu tháng Ba năm 1897, thành phố chỉ quanh quẩn bên khu hồ nhỏ (sách chú thích là hồ Hoàn Kiếm), nơi ngăn cách khu phố Pháp với khu phố An Nam. Chính cái hồ nhỏ đó đã làm nên sự quyến rũ của toàn thành phố" (...) "Khu phố An Nam rất kỳ lạ, những đường phố hẹp, những ngôi nhà thấp, những cửa hiệu tràn cả ra đường, người đông nhung nhúc. Chỗ này mới đích thực là Hà Nội" (Paul Doumer, 2016: 233).

Paul Doumer viết về phố An Nam "người đông nhung nhúc" khiến tôi liên tưởng tới cảnh tắc đường hiện nay ở Hà Nội. Tuy nhiên, hồi ký ghi chép dân số thời đó của cả thành phố Hà Nội không hơn dân số phường Láng Hạ quận Đống Đa thời nay là bao nhiêu(6). Hồi ký có đoạn:

"Dù sao, con số ước tính của Hội đồng Thành phố Hà Nội, được thực hiện dựa trên danh sách thuế đinh, mà người ta báo cáo cho tôi khi đến nhậm chức là khoảng gần 30.000 dân. Dân số Hà Nội trong năm năm tới sẽ tăng vọt, cũng kỳ diệu chẳng khác gì sự phát triển hết sức phi thường của thành phố, người ta chứng kiến những khu phố mới mọc lên, rộng hơn gấp 10 lần những khu phố ban đầu, có nước, có hệ thống cống rãnh, những chuyến tàu điện, những tượng đài xứng tầm với một thủ đô" (Sđd, tr. 237-238).

Trong đoạn hồi ký trên, tại thời điểm 1897, những khu phố mới, hệ thống nước và thoát nước, công trình kiến trúc đô thị, hệ thống tàu điện chưa có trên thực tế, mới đang trong kế hoạch xây dựng

của người Pháp. "Những tượng đài xứng tầm với một thủ đô" mà Paul Doumer nhắc tới trong kế hoạch, hiện nay không rõ là tượng đài nào. Nếu có, chắc cũng đã bị phá hủy, chỉ còn một số công trình kiến trúc, đáng kể nhất là Nhà hát lớn, khởi công xây dựng năm 1901. Hệ thống tàu điện lần đầu tiên được vận hành vào ngày 13/9/1900, tuyến Bờ Hồ - Thụy Khuê, và nhanh chóng được mở rộng từ Bờ Hồ sang các hướng khác như Bờ Hồ - Hàng Bột (1901), Bờ Hồ - Chợ Mơ (1906). Đến năm 1929, hệ thống tàu điện từ Ga Trung tâm Bờ Hồ đã tỏa đi các hướng: Yên Phụ, Bưởi, Cầu Giấy, Hà Đông, Chợ Mơ, Vọng[7].

Có thể hình dung được việc lưu thông hàng hóa từ các làng quê ngoại thành vào Hà Nội khi có hệ thống tàu điện trở nên hết sức thuận tiện. Khi đó chưa có hệ thống giao thông đường bộ và phương tiện xe cộ như bây giờ, phương tiện ưa thích để người ta đi chơi chợ, ra chợ buôn bán chính là tàu điện. Có thể suy ra, xẩm từ chợ quê ra Hà Nội chủ yếu bằng đường tàu điện. Khoảng thời gian hành khách ngồi trên tàu điện từ quê ra phố (và ngược lại) đủ cho nhà xẩm hát kiếm tiền. Xẩm "biến" những góc ga tàu điện thành "sân khấu" với số khán giả khá ổn định và tập trung, vì họ chẳng thể bỏ đi khi tàu chưa đến ga. Ga tàu điện là không gian mới cho xẩm hành nghề, ở khía cạnh nào đó, nó hơn hẳn góc chợ hay bến đò quê. Có lẽ vì thế, thời đó, bên cạnh góc phố chợ (chợ Mơ, chợ Bưởi, chợ Đồng Xuân…), hệ thống tàu điện là "địa bàn" mới nhưng rất quan trọng đối với xẩm. Như vậy, chắc làn điệu "xẩm tàu điện" chỉ xuất hiện ở đầu thế kỷ XX, khi mà hệ thống tàu điện được vận hành trên thực tế và được mở rộng ở Hà Nội.

Tên các phố nghề Hà Nội và tên phố Tây cùng một số chi tiết về tượng Tây, rạp hát Tây, Nhà Đoan khoảng đầu thế kỷ XX được xẩm nhắc tới khá sinh động trong bài "Vui nhất Hà Thành" (*Hát xẩm*, tr. 197-199). Có một số tên phố tôi chưa từng biết nhưng có trong lời xẩm, chẳng hạn "Hàng Nâu, Hàng Trứng". Chẳng hạn, phố Tràng Tiền được xẩm mô tả như sau:

Tràng Tiền có rạp hát Tây,
Bên kia Đồn Thủy bên này Nhà Đoan
Vườn hoa Con Cóc trông sang
Là dinh Thống sứ xẩm càng tránh xa
Tượng Tây đứng giữa vườn hoa
Bên này đốc - lý trông ra bờ hồ
(*Hát xẩm*, tr. 199).

"Rạp hát Tây" trong lời xẩm chắc là Nhà hát lớn. Vậy có thể suy đoán, bài "Vui nhất Hà thành" ra đời khoảng thập kỷ thứ hai hoặc thứ ba của thế kỷ XX, bởi Nhà hát lớn được khánh thành năm 1911. Cũng trong lời hát trên, câu hát "Là dinh Thống sứ xẩm càng tránh xa" cho thấy người Pháp không ưa xẩm. Thực tế thì hầu hết các bài hát xẩm có nội dung chống Pháp, thường gọi Pháp là "bọn bạch quỷ", "thằng Tây".

Nhìn chung, trong các tư liệu sưu tầm ghi chép về các bài xẩm còn rất nhiều những dấu vết lịch sử thú vị khác. Trong khuôn khổ bài viết này, tôi chỉ có thể chọn lựa trình bày những gì mình quan tâm hơn cả.

Kết luận

Nếu tìm về bối cảnh xã hội miền Bắc, từ sự kiện người Pháp đánh chiếm Hà Nội (1882) đến Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), liên quan đến đợt bắt lính An Nam sang châu Âu tham chiến năm 1917, cho đến các sự kiện lịch sử 1930, 1945, 1954, rồi nghe hoặc đọc lời những bài hát xẩm vẫn còn được trình diễn hiện nay, sẽ thấy dấu vết của các sự kiện đó.

Rất thú vị là không chỉ các sự kiện lịch sử quan trọng mà những lời nói, địa danh và sinh hoạt đời sống thường ngày của thời xưa đó cũng hiện hữu khá rõ trong các bài hát xẩm. Chúng ta còn có được lời những bài xẩm quý giá này là nhờ Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa sớm chủ trương sưu tầm vốn dân ca nhạc cổ trong dân gian, mà Ban Nghiên cứu âm nhạc (1957 - 1967)[8], Vụ Nghệ thuật - Bộ Văn hóa là cơ quan trực tiếp thực hiện.

Không một thể hát nào ở Việt Nam "va chạm" nhiều với đời sống xã hội như hát xẩm. Hát xẩm không của riêng một làng, một phố, một huyện hay một tỉnh, mà của cả nước. Sử sách thời phong kiến Việt Nam không ghi chép về hát xẩm, mà nói chung, không ghi chép về các loại dân ca. Tư liệu sách của người Pháp ghi nhận, xẩm đã có

mặt ở Huế năm 1892(9). Tuy nhiên, căn cứ tập tính của nghề hát xẩm, tôi đoán, có thể xẩm đã vào miền Trung từ trước đó. Sách không phải là báo, những thông tin được ghi chép trong đó thường đã diễn ra từ lâu. Mặt khác, người ghi chép là người Pháp, họ không là người bản địa, thông tin về xẩm chỉ là thoảng qua.

Xẩm đi bất cứ đâu để hát kiếm sống. Theo lời kể của bà Hà Thị Cầu, bà đã từng cùng chồng là trùm Mậu vào tận Nam Bộ. Vì thế, có thể nhận định, không một thể hát cổ truyền nào lại có nội dung lời ca luôn cập nhật tình hình đất nước như hát xẩm. Xẩm có khả năng hát kể bất cứ chuyện gì mà xẩm biết. Xẩm luôn di chuyển, luôn nghe ngóng mọi tin tức nên các chuyện mà xẩm hát kể luôn có tính thời sự. Ở thời kỳ mà thông tin liên lạc của người Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào ngựa cưỡi, những câu chuyện vừa mới xảy ra, những bài thơ mang tính thời sự là nguồn sống của hát xẩm, là cái để xẩm kiếm tiền. Có thể nói, sự sống của xẩm nằm trong hơi thở cuộc sống xã hội.

Chỉ qua một số tư liệu sưu tầm, chưa thể đầy đủ bài bản mà xẩm dùng khi hành nghề, đã thấy khá rõ hát xẩm chứa đựng trong nó nhiều những dấu vết lịch sử dân tộc. Những ai quan tâm đến con người và cuộc sống xưa ở các lĩnh vực khác nhau, hãy đến với hát xẩm.

Chú thích

(1) Nghệ nhân Hà Thị Cầu sinh năm 2018, mất ngày 03 tháng 3 năm 2013, thọ 86 tuổi. Bà được coi là nghệ nhân hát xẩm cuối cùng của thế kỷ XX.

(2) Theo Wikipedia (truy cập ngày 04/10//2018), Bình dân học vụ là phong trào xóa nạn mù chữ trong toàn dân, được Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa phát động ngày 8 tháng 9 năm 1945 (sắc lệnh 19/SL và 20/SL) ngay sau khi Việt Nam giành được độc lập. Phong trào này nằm giải quyết "giặc dốt" - một trong các vấn đề cấp bách nhất của Việt Nam lúc bấy giờ (chỉ sau "giặc đói").

(3) Thông tin này tôi có được từ nhiều nguồn, lời kể của ông Nguyễn Ngọc Oánh và bài viết "Người xẩm kháng chiến" của Nguyễn Huy Thắng trên Tạp chí *Sông Hương* số 242 (tháng 4/2009).

(4) Nguồn thông tin có được từ lời kể của các ông Nguyễn Ngọc Oánh, Thao Giang trong các cuộc phỏng vấn.

(5) Theo *Hát xẩm* của Trần Việt Ngữ, số bài hát xẩm sưu tầm được khoảng gần 400 bài (tr. 22). Tôi đếm số bài được in trong sách theo Mục lục, chỉ có 56 bài.

(6) Cách nay gần 20 năm, (theo tổng điều tra dân số năm 1999) dân số phường Láng Hạ đã là 25.369 người (Wipkipedia, truy cập ngày 03/10/2018).

(7) Theo Wipkipedia, truy cập ngày 03/10/2018.

(8) Xem *Viện Âm nhạc 65 năm xây dựng và phát triển*, Viện Âm nhạc xuất bản, 2016, tr.12.

(9) Dẫn theo Phạm Phúc Minh (1999), *Cây đàn bầu - những âm thanh kỳ diệu*, Nxb. Âm nhạc, tr. 30.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Cương lĩnh và chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đoàn Lê Giang (2009), "Á Nam Trần Tuấn Khải, anh khóa và những vần thơ nước non", *Báo điện tử*, Khoa Văn học Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

3. Bùi Trọng Hiền (1997), "Ngày xuân tản mạn đôi điều về hát Xẩm", Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 2, tr. 78-79.

4. Trần Trọng Kim (2015, tái bản), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

5. Nguyễn Thụy Loan (2006), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Phạm Phúc Minh (1999), *Cây đàn bầu - những âm thanh kỳ diệu*, Nxb. Âm nhạc, Viện Âm nhạc, Hà Nội.

7. Trần Việt Ngữ (1987), "Cơ cấu nghệ thuật và quá trình chuyển biến của hát xẩm", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, tr. 52-60.

8. Trần Việt Ngữ (2002), *Hát Xẩm*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Phan Đăng Nhật (2007), "Bảo tồn và phát huy hát xẩm Hà Nội", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, tr. 41-43.

10. Paul Doumer (2016) [1905], *Xứ Đông Dương (Hồi ký)*, nhóm dịch giả Lưu Đình Tuân, Hiệu Constant, Lê Đình Chi, Hoàng Long, Vũ Thúy (2016), Nxb. Thế giới.

11. Pierre Huard và Maurice Durand (1954), *Hiểu biết về Việt Nam*, Đỗ Trọng Quang dịch (1993), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12.Nguyễn Huy Thắng (2009), "Người xẩm kháng chiến", Tạp chí *Sông Hương* số 242 (tháng 4/2009), Đăng báo điện tử ngày 28/5/2009.

13. Mai Đức Thiện biên soạn (2018), *Tài liệu hướng dẫn hát xẩm*, Lưu hành nội bộ, dùng cho học viên hát xẩm tại Trung tâm Âm nhạc truyền thống Thăng Long.

14. Tuyển tập *Dân ca Việt Nam* (2001), Nxb. Âm nhạc, Hà Nội.

15. Viện Âm nhạc (2016), *Viện Âm nhạc 65 năm xây dựng và phát triển*, Viện Âm nhạc xuất bản, Hà Nội

PGS. TS. KIỀU TRUNG SƠN
Viện Nghiên cứu văn hóa